

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Tổng Giám đốc



Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 08 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		246,635,194,913	193,003,757,426
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	133,162,758,236	77,086,650,648
1. Tiền	111		30,050,334,023	25,305,888,143
2. Các khoản tương đương tiền	112		103,112,424,213	51,780,762,505
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75,576,327,731	66,579,482,453
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	63,530,740,845	53,089,324,381
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4,489,842,372	4,683,558,714
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	6,000,000,000	8,500,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	2,159,844,126	421,982,886
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(604,099,612)	(115,383,528)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		20,070,340,961	21,828,110,279
1. Hàng tồn kho	141	V.8	20,070,340,961	21,828,110,279
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17,825,767,985	27,509,514,046
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1,042,809,973	193,075,719
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16,533,908,113	25,346,568,515
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	249,049,899	1,969,869,812
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		521.965.017.602	544.226.682.690
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.277.522.020	1.731.120.020
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3,277,522,020	1,731,120,020
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		483.233.664.797	506.836.440.702
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	479,736,804,880	503,178,242,243
<i>Nguyên giá</i>	222		643,361,256,128	648,099,446,361
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(163,624,451,248)	(144,921,204,118)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3,496,859,917	3,658,198,459
<i>Nguyên giá</i>	228		5,851,969,885	5,851,969,885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,355,109,968)	(2,193,771,426)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.260.903.671	14.143.924.707
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	5,260,903,671	14,143,924,707
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		19.307.353.678	19.051.287.291
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	16,281,487,178	15,050,074,791
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	3,025,866,500	4,001,212,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.885.573.436	2.463.909.970
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	10,885,573,436	2,463,909,970
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		768,600,212,515	737,230,440,116

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		298,247,972,139	302,867,448,218
I. Nợ ngắn hạn	310		129,623,872,881	95,468,447,036
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	40,350,790,381	30,047,820,570
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	44,548,900	91,742,723
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6,835,749,746	1,462,701,683
4. Phải trả người lao động	314		9,628,546,502	11,796,163,496
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	684,814,894	533,793,317
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	12,469,927,230	1,385,231,849
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	46,002,322,581	43,312,820,751
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	13,607,172,647	6,838,172,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		168,624,099,258	207,399,001,182
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	60,000,000,000	60,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	108,624,099,258	147,399,001,182
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		470,352,240,376	434,362,991,898
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	470,352,240,376	434,362,991,898
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		231,962,320,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		231,962,320,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58,788,380,922	58,788,380,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2,571,030,000)	(2,571,030,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		82,722,070,809	45,931,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99,450,498,645	100,252,250,167
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28,188,121,167	13,589,859,627
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		71,262,377,478	86,662,390,540
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		768,600,212,515	737,230,440,116

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Hảo



Phạm Thị Hồng Nhung



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

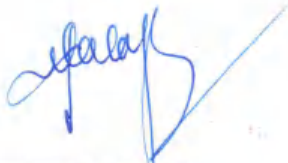
CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	121,633,769,953	98,803,215,992	246,833,335,695	159,326,123,871
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	121,633,769,953	98,803,215,992	246,833,335,695	159,326,123,871
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	72,001,826,007	67,407,648,193	152,766,795,730	95,378,416,490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49,631,943,946	31,395,567,799	94,066,539,965	63,947,707,381
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,085,721,205	2,342,017,337	7,367,260,605	3,636,980,253
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,965,898,335	1,718,069,277	5,509,557,862	2,478,407,891
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,626,472,168	1,449,117,115	2,837,221,946	2,199,448,587
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.5	1,353,188,253	3,129,232,319	1,231,412,387	6,031,317,953
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10,381,471,885	5,292,270,624	16,556,603,209	9,765,638,778
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39,723,483,184	29,856,477,554	80,599,051,886	61,371,958,918
12. Thu nhập khác	31	VI.7	26,996,427	6,780,001	101,984,390	10,970,002
13. Chi phí khác	32	VI.8	3,511,432,476	23,131,627	3,562,639,716	72,652,046
14. Lợi nhuận khác	40		(3,484,436,049)	(16,351,626)	(3,460,655,326)	(61,682,044)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36,239,047,135	29,840,125,928	77,138,396,560	61,310,276,874
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,462,357,679	6,648,744,486	5,876,019,082	6,648,744,486
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33,776,689,456	23,191,381,442	71,262,377,478	54,661,532,388
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1,472	1,095	3,107	2,581

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	77,138,396,560	61,310,276,874
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	30,343,901,074	18,159,450,884
- Các khoản dự phòng	03 VI.6	488,716,084	(67,295,411)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2,110,724,435	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3,227,344,517)	(9,260,468,892)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	2,837,221,946	2,199,448,587
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	109,691,615,582	72,341,412,042
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	711,708,837	(47,355,136,603)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1,757,769,318	(16,676,206,829)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	17,837,160,544	56,652,119,505
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9,271,397,720)	(135,081,383)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2,830,651,903)	(2,068,198,587)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(2,300,461,548)	(1,530,935,857)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.19	(1,815,000,000)	(510,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	113,780,743,110	60,717,972,288
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3,045,985,231)	(109,720,574,584)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1,681,818,182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(700,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2,500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1,965,197,613	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,476,130,703	3,229,150,939
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5,077,161,267	(109,691,423,645)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	52,006,352,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	61,907,360,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.18	(39,546,265,421)	(350,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23,441,869,000)	(19,538,732,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(62,988,134,421)	94,024,980,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	55,869,769,956	45,051,528,643
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	77,086,650,648	72,559,688,166
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	206,337,632	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	133,162,758,236	117,611,216,809

Người lập biểu


Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng


Phạm Thị Hồng Nhung

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc

**Tạ Mạnh Cường**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Cấu trúc Công ty**
Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

5a. *Danh sách Công ty con được hợp nhất*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Cảng Hải An có trụ sở chính tại tầng 1, tòa nhà Hải An, Km2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cung cấp dịch vụ cảng biển. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

5b. *Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Tầng 3 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, bốc xếp hàng hóa	36%	36%	20%	20%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	50%	56%	50%	50%

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Một số số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước do áp dụng Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các qui định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty như sau:

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi là “BCC”) đã được ký kết quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ. Theo đó Công ty áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ, đồng thời cung cấp bằng chứng về việc quyết toán thuế cho các bên khác, cụ thể:

- Ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC; Lãi trên cổ phiếu và các chỉ tiêu phân tích tài chính chỉ được tính đối phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Công ty cung cấp bản sao các hồ sơ, tài liệu về việc đã thực hiện nghĩa vụ với NSNN của BCC cho các bên trong BCC để phục vụ việc quyết toán thuế của các bên khác trong BCC;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán chỉ bao gồm phần lợi nhuận sau thuế tương ứng của từng bên được hưởng.
- Các bên khác được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC, báo cáo cơ quan thuế về việc khoản doanh thu, chi phí này đã được thực hiện nghĩa vụ thuế làm căn cứ điều chỉnh số thuế TNDN phải nộp.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 202 nhân viên đang làm việc tại các đơn vị trong Công ty (số đầu năm là 178 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 bao gồm Báo cáo tài chính quý 2 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính quý 2 của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính quý 2 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hải Phòng, ngân hàng TMCP Bảo Việt – Hội sở chính (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 của Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.*
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là Chi phí sửa chữa tài sản cố định. Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8
Tài sản cố định khác	5

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất (35 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	318.022.190	776.796.301
Tiền gửi ngân hàng	29.732.311.833	24.529.091.842
Các khoản tương đương tiền	103.112.424.213	51.780.762.505
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	<i>103.112.424.213</i>	<i>51.780.762.505</i>
Cộng	<u>133.162.758.236</u>	<u>77.086.650.648</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Vốn góp	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Vốn góp	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1.000.000.000	560.208.035	1.560.208.035	1.000.000.000	604.839.053	1.604.839.053
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.000.000.000	9.721.279.143	14.721.279.143	5.000.000.000	8.445.235.738	13.445.235.738
Cộng	<u>6.000.000.000</u>	<u>10.281.487.178</u>	<u>16.281.487.178</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>9.050.074.791</u>	<u>15.050.074.791</u>

Giá trị phần sở hữu của Công ty tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1.604.839.053	75.368.982	(120.000.000)	1.560.208.035
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	13.445.235.738	2.776.043.405	(1.500.000.000)	14.721.279.143
Cộng	<u>15.050.074.791</u>	<u>2.851.412.387</u>	<u>(1.620.000.000)</u>	<u>16.281.487.178</u>

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	654.050.000	10.963.636
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	1.101.358.384	1.020.459.893
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng (giảm phí)	2.734.560	14.356.440
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	5.433.717.554	5.166.093.997
Nhận tiền chia lãi 2014	120.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	7.114.389.219	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	69.829.290	6.729.816.863
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng (giảm phí)	.	73.718.184
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	15.440.641	271.813.149
Góp vốn bằng tiền		2.500.000.000
Nhận tiền chia lãi 2014	1.500.000.000	1.250.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải ⁽ⁱ⁾	864.000		864.000	976.210.000		976.210.000
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	2.500		2.500
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Đa Phương Thức	3.025.000.000		3.025.000.000	3.025.000.000		3.025.000.000
Cộng	3.025.866.500		3.025.866.500	4.001.212.500		4.001.212.500

⁽ⁱ⁾ Trong kỳ Công ty đã mua thêm 3.000 cổ phiếu với giá mua là 12.000 VND/ Cổ phiếu và bán 269.600 cổ phiếu của Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 72 cổ phiếu (số đầu năm là 266.672 cổ phiếu).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	3.675.618.597	6.809.842.621
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn	1.304.900.000	326.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn tại Hà Nội	26.500.000	7.500.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	138.700.000	95.400.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng	366.130.725	163.062.943
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	301.420.501	1.177.546.058
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận	1.497.012.396	4.826.397.814

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	34.900.000	47.600.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		165.926.306
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	6.054.975	409.500
Phải thu các khách hàng khác	59.855.122.248	46.279.481.760
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại Hải Phòng	9.195.055.931	7.146.947.222
Pendulum Express Lines Pte Ltd	8.208.228.275	14.568.236.315
Các khách hàng khác	42.451.838.042	24.564.298.223
Cộng	63.530.740.845	53.089.324.381

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan		
Trả trước cho người bán khác	4.489.842.372	4.683.558.714
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ	1.464.220.000	1.464.220.000
Công ty Kirow Ardel AG		515.789.082
Man Diesel and Turbo Danish Branch of Man Diesel And Turbo Se, Germany		740.669.367
Trung tâm Tư vấn Phát triển Công nghệ Xây dựng Hàng hải		700.000.000
Trung tâm xúc tiến đầu tư - Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Hải Phòng	622.530.000	
Các nhà cung cấp khác	1.953.092.372	812.880.265
Cộng	4.489.842.372	4.683.558.714

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà vay ngắn hạn với thời gian 9 tháng và lãi suất 6%/ năm.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.159.844.126		421.982.886	
Doanh thu tạm tính chưa xuất hóa đơn	1.584.208.254			
Ký cược, ký quỹ	133.445.000		40.740.000	
Tạm ứng	136.702.414			
Phải thu tiền bán chứng chỉ quỹ			40.499.751	
Các khoản chi hộ	87.432.738		176.835.794	
Lãi dự thu	149.297.344		113.284.614	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	68.758.376		50.622.727	
Cộng	2.159.844.126		421.982.886	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ký cược, ký quỹ	3.277.522.020		1.731.120.020	
Cộng	3.277.522.020		1.731.120.020	

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>						
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty TNHH Vận Tải Hưng Thịnh – <i>Phải thu cung cấp dịch vụ</i>	3 năm	65.089.486		2 năm	65.089.486	19.526.846
Công ty TNHH Vận tải Thương Mại Hoàng Gia – <i>Phải thu cung cấp dịch vụ</i>	3 năm	99.744.126		2 năm	99.744.126	29.923.238
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ – <i>Phải thu tiền ứng trước thực hiện hợp đồng</i>	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.464.220.000	1.024.954.000			
Cộng		1.629.053.612	1.024.954.000		164.833.612	49.450.084

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	115.383.528		115.383.528
Trích lập dự phòng bổ sung	488.716.084		488.716.084
Hoàn nhập dự phòng			
Số cuối kỳ	604.099.612		604.099.612

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			974.139.128	
Nguyên liệu, vật liệu	19.171.569.763		20.852.831.151	
Công cụ, dụng cụ	898.771.198		1.140.000	
Cộng	20.070.340.961		21.828.110.279	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	521.227.155	152.005.077
Chi phí sửa chữa máy phát điện	487.069.562	
Chi phí CCDC	34.513.256	41.070.642
Cộng	1.042.809.973	193.075.719

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa thiết bị	2.105.534.837	2.286.542.690
Chi phí lên đà tàu Hải An Park	8.675.084.040	
Công cụ dụng cụ khác	100.454.559	163.867.280
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.500.000	13.500.000
Cộng	10.885.573.436	2.463.909.970

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	198.482.810.912	258.786.537.659	189.279.539.579	1.486.921.847	63.636.364	648.099.446.361
Mua trong kỳ		10.625.015.786	1.262.354.117	41.636.364		11.929.006.267
Thanh lý, nhượng bán		(16.667.196.500)				(16.667.196.500)
Số cuối kỳ	198.482.810.912	252.744.356.945	190.541.893.696	1.528.558.211	63.636.364	643.361.256.128
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	457.605.455	160.905.076		553.221.591		1.171.732.122
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	55.212.664.785	79.889.395.805	8.736.028.419	1.042.127.819	40.987.290	144.921.204.118
Khấu hao trong kỳ	6.408.524.322	14.375.583.951	9.289.011.103	103.079.520	6.363.636	30.182.562.532
Phân loại lại hao mòn lũy kế		6.996.127.321	(6.832.087.273)	(164.040.048)		
Thanh lý, nhượng bán		(11.479.315.402)				(11.479.315.402)
Số cuối kỳ	61.621.189.107	89.781.791.675	11.192.952.249	981.167.291	47.350.926	163.624.451.248
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	143.270.146.127	178.897.141.854	180.543.511.160	444.794.028	22.649.074	503.178.242.243
Số cuối kỳ	136.861.621.805	162.962.565.270	179.348.941.447	547.390.920	16.285.438	479.736.804.880

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 427.283.667.376 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho tất cả các khoản vay của ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	906.954.649	5.851.969.885
Số cuối kỳ	4.945.015.236	906.954.649	5.851.969.885

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.543.787.253	649.984.173	2.193.771.426
Khấu hao trong kỳ	70.643.076	90.695.466	161.338.542
Số cuối kỳ	1.614.430.329	740.679.639	2.355.109.968

Giá trị còn lại

Số đầu năm	3.401.227.983	256.970.476	3.658.198.459
Số cuối kỳ	3.330.584.907	166.275.010	3.496.859.917

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng
Đang chờ thanh lý

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ</u>	<u>Giảm do thoái vốn tại công ty con</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	10.625.015.786	5.135.424.244	11.929.006.267		3.831.433.763
Xây dựng cơ bản dở dang	793.106.272	636.363.636			1.429.469.908
<i>Công trình Cải tạo mở rộng cầu cảng</i>	793.106.272	636.363.636			1.429.469.908
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.725.802.649	7.684.298.199		10.410.100.848	
Cộng	14.143.924.707	13.456.086.079	11.929.006.267	10.410.100.848	5.260.903.671

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	3.586.083.110	8.537.336.479
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn		1.360.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn tại Hà Nội	69.960.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1.768.884.255	1.842.376.984
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng	1.422.729.980	1.741.086.180

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
hải Hải Phòng		
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	82.795.081	4.741.482.516
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	57.559.689	
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội	184.154.105	211.030.799
Phải trả các nhà cung cấp khác	36.764.707.271	21.510.484.091
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1	4.949.198.815	2.658.172.796
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd	14.432.518.901	5.003.457.207
Các nhà cung cấp khác	17.382.989.555	13.848.854.088
Cộng	40.350.790.381	30.047.820.570

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	.	
Trả trước của các khách hàng khác	44.548.900	91.742.723
Công ty Cổ phần Thương mại An Mỹ Đức		19.200.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Hàng hải Sài Gòn		10.000.000
Công ty TNHH TM và Giao nhận Tùng Đạt		20.800.000
Công ty TNHH Zen Phụng Hoàng		28.800.000
Ông Nguyễn Quang Hòa	17.900.000	
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Thành Long Phát	8.400.000	
Công ty TNHH Nippon Express Việt Nam tại Hà Nội	4.400.000	
Các khách hàng khác	13.848.900	12.942.723
Cộng	44.548.900	91.742.723

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	391.766.924		7.318.450.443	(7.710.217.367)		
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			92.396.120	(92.396.120)		
Thuế xuất, nhập khẩu		3.155.400	988.000	(988.000)		3.155.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.859.217	1.966.714.412	9.287.899.567	(2.300.461.548)	5.284.477.323	245.894.499
Thuế thu nhập cá nhân	1.053.075.542		1.736.675.326	(1.721.594.622)	1.068.156.246	
Tiền thuê đất			483.116.177		483.116.177	
Các loại thuế khác			5.000.000	(5.000.000)		
Cộng	1.462.701.683	1.969.869.812	18.924.525.633	(11.830.657.657)	6.835.749.746	249.049.899

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (Công ty mẹ) được hưởng thuế suất ưu đãi: 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3, điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.239.047.135	29.840.125.928
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(188.039.175)	25.974.148.574
- Lãi lỗ công ty liên kết	(1.353.188.253)	(6.031.317.953)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.165.149.078	32.005.466.527
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	36.051.007.960	55.814.274.502
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	36.051.007.960	55.814.274.502
- Hoạt động khai thác cảng	31.131.466.555	51.185.417.311
- Hoạt động khai thác tàu	4.919.541.405	2.596.497.642
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.931.221.751	12.279.140.390
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(3.860.374.639)	(5.630.395.904)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.608.489.433)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.462.357.679	6.648.744.486

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		306.000.000
Phụ cấp hội đồng quản trị, ban kiểm soát		306.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	684.814.894	227.793.317
Chi phí lãi vay phải trả	234.363.360	227.793.317
Chi phí khác	450.451.534	-
Cộng	<u>684.814.894</u>	<u>533.793.317</u>

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	12.017.913.925	
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn	3.972.666.437	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	2.980.021.176	
Công ty Cổ phần MHC	1.985.290.524	
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.985.290.524	
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	992.645.264	
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	102.000.000	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	452.013.305	1.385.231.849
Kinh phí công đoàn	52.555.858	38.609.908
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	239.689.122	236.500.546
Nhận đặt cọc tiền mua tài sản thanh lý	15.016.600	10.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	130.480.000	633.220.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	14.271.725	466.901.395
Cộng	<u>12.469.927.230</u>	<u>1.385.231.849</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận vốn góp liên doanh của các bên tham gia hợp đồng BCC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần MHC	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>60.000.000.000</u>	<u>60.000.000.000</u>

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	2.242.320.325	2.242.320.325	4.392.320.325	4.392.320.325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải ⁽ⁱ⁾	2.242.320.325	2.242.320.325	4.392.320.325	4.392.320.325
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức	43.760.002.256	43.760.002.256	38.920.500.426	38.920.500.426
Vay dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	25.550.040.012	25.550.040.012	25.007.448.641	25.007.448.641
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	11.313.120.000	11.313.120.000	8.850.078.000	8.850.078.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	6.896.842.244	6.896.842.244	5.062.973.785	5.062.973.785
Cộng	<u>46.002.322.581</u>	<u>46.002.322.581</u>	<u>43.312.820.751</u>	<u>43.312.820.751</u>

- ⁽ⁱ⁾ Khoản vay Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải theo hợp đồng số 01/HĐ ngày 5/1/2008 của Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay 01 năm. Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An, Công ty kế thừa lại khoản vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng do chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	4.392.320.325				(2.150.000.000)	2.242.320.325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải	4.392.320.325				(2.150.000.000)	2.242.320.325
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức	38.920.500.426		41.699.164.788	536.602.463	(37.396.265.421)	43.760.002.256
Vay dài hạn đến hạn trả	38.920.500.426		41.699.164.788	536.602.463	(37.396.265.421)	43.760.002.256
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	25.007.448.641		32.594.183.666	302.165.645	(32.353.757.940)	25.550.040.012
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	8.850.078.000		5.656.560.000	144.910.500	(3.338.428.500)	11.313.120.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hà Nội	5.062.973.785		3.448.421.122	89.526.318	(1.704.078.981)	6.896.842.244
Cộng	43.312.820.751		41.699.164.788	536.602.463	(39.546.265.421)	46.002.322.581

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các tổ chức	108.624.099.258	108.624.099.258	147.399.001.182	147.399.001.182
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính ⁽ⁱ⁾	49.812.535.902	49.812.535.902	80.922.262.569	80.922.262.569
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	34.672.616.160	34.672.616.160	39.474.212.398	39.474.212.398
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	24.138.947.196	24.138.947.196	27.002.526.215	27.002.526.215
Cộng	108.624.099.258	108.624.099.258	147.399.001.182	147.399.001.182

(i) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 251.2010.HĐTĐ ngày 20/05/2010, số tiền vay 6.000.000 USD, mục đích thanh toán L/C và nhập

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khẩu máy móc thiết bị cho dự án đầu tư xây dựng bến Container Hải An - Hải Phòng, thời hạn 72 tháng, lãi suất 7,5%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng số 0034.2014/HDDTD1/BVB-TTKD ngày 20/3/2014; số tiền 2.500.000 USD; mục đích bổ sung vốn mua tàu Container; thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng; lãi suất 4,5%/năm tại thời điểm giải ngân. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng /lần, các kỳ sau điều chỉnh bằng lãi suất huy động USD 12 tháng trả sau do Bảo Việt Bank công bố cộng biên độ 3,25%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: 4 xe nâng hàng, 2 cần trục loại chân đế kiểu quay, tài sản trên đất là các công trình xây dựng thuộc dự án kinh doanh cảng Container Hải An.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11/4/2014, số tiền vay: 2.000.000 USD, mục đích vay để mua 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GmbH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn: 6 tháng, lãi suất tính theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại lãi trả sau + lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ngắn hạn USD tại thời điểm thay đổi lãi suất theo thông báo của Vietcombank trong từng thời kỳ, khoản vay được bảo đảm bằng tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có hệ thống 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GmbH.

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20/01/2014, số tiền vay: 442.000 USD, mục đích thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex, thời gian ân hạn: 6 tháng, thời gian trả nợ gốc: 54 tháng theo lịch trả nợ kèm theo Hợp đồng, Lãi suất cho vay là lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại trả lãi sau+ lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần, khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là hệ thống 02 xe nâng PPM Terex.

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 25-10.14/HĐTD/TPB.HTH ngày 16/10/2014, số tiền vay: 1.500.000 USD, mục đích mua con tàu CAPE SANTIAGO, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm nhận nợ, điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với USD của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ được quy định bởi TPBank tại từng thời kỳ theo đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu CAPE SANTIAGO.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối kỳ				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	75.362.575.914	25.550.040.012	49.812.535.902	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	45.985.736.160	11.313.120.000	34.672.616.160	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	31.035.789.440	6.896.842.244	24.138.947.196	
Cộng	152.384.101.514	43.760.002.256	108.624.099.258	
Số đầu năm				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	105.929.711.210	25.007.448.641	80.922.262.569	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	48.324.290.398	8.850.078.000	39.474.212.398	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong– Chi nhánh Hà Nội	32.065.500.000	5.062.973.785	27.002.526.215	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
	186.319.501.608	38.920.500.426	147.399.001.182	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Vay phát sinh trong kỳ	Tăng khác do chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính	80.922.262.569		1.484.456.999		(32.594.183.666)	49.812.535.902
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	39.474.212.398		854.963.762		(5.656.560.000)	34.672.616.160
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hà Nội	27.002.526.215		584.842.103		(3.448.421.122)	24.138.947.196
Cộng	147.399.001.182		2.924.262.864		(41.699.164.788)	108.624.099.258

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.254.828.213	4.905.000.000		8.159.828.213
Quỹ Hội đồng quản trị	3.583.344.434	3.679.000.000	(1.815.000.000)	5.447.344.434
Cộng	6.838.172.647	8.584.000.000	(1.815.000.000)	13.607.172.647

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	45.931.070.809	100.252.250.167	434.362.991.898
Lợi nhuận trong kỳ này					71.262.377.478	71.262.377.478
Trích lập các quỹ				36.791.000.000	(45.375.000.000)	(8.584.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận					(22.939.129.000)	(22.939.129.000)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh					(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
Số dư cuối kỳ này	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	82.722.070.809	99.450.498.645	470.352.240.376

20b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.196.232	23.196.232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.196.232	23.196.232

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	257.103	257.103
- Cổ phiếu phổ thông	257.103	257.103
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.939.129	22.939.129
- Cổ phiếu phổ thông	22.939.129	22.939.129
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 0604-2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2015 như sau:

	VND
• Quỹ đầu tư phát triển (**)	24.527.000.000
• Quỹ dự phòng tài chính (**)	12.264.000.000
• Quỹ HDQT	3.679.000.000
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.905.000.000

(**) Được hạch toán chung vào tăng quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại TT 200/2014/TT_BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 0604-2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Công ty đã quyết định tiếp tục chia cổ tức năm 2014 cho các cổ đông với mức 1.000 VND/cổ phiếu.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	129.729.600	254.291.400
Trên 1 năm đến 5 năm	259.459.200	381.437.100
Cộng	389.188.800	635.728.500

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng tại số 45 Triệu Việt Vương, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 33 USD/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.

21b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	429.658,43	194.978,05
Euro (EUR)	46,02	46,11

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay (*)	Năm trước
Doanh thu hoạt động cảng	78,507,764,581	74,853,328,917	162,969,404,826	134,891,393,424
Doanh thu hoạt động tàu	42,418,414,627	23,390,105,530	82,424,114,998	23,390,105,530
Doanh thu bán hàng	707,590,745	559,781,545	1,439,815,871	1,044,624,917
Cộng	121,633,769,953	98,803,215,992	246,833,335,695	159,326,123,871

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2a. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs				
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	2,121,818,184		4,671,818,181	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng				
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	21,090,910		71,636,365	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác cảng	452,460,327	471,398,155	811,179,788	937,531,392
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn				
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	3,094,090,913	1,866,454,553	6,198,454,548	1,866,454,553
Chi nhánh Công ty CP Transimex Sài Gòn tại Hà Nội				
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	24,090,909		34,818,182	
Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải				
Doanh thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	1,681,818,182		1,681,818,182	
Công ty Cổ Phần Hải Minh				
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	1,725,545,455		3,941,454,545	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	3,642,016,173		7,114,389,219	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác cảng	64,681,000	3,900,300,271	69,829,290	6,729,816,863

Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác cảng	566,453,128	552,691,574	1,101,358,384	1,020,459,893
--	-------------	-------------	---------------	---------------

Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	168,930,092		269,245,403	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	242,676,720	3,534,407,525	2,047,616,392	6,963,799,318

Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	89,547,500		226,873,863	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	3,606,713,608	3,272,892,631	17,546,592,212	5,168,280,050

Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	51,909,092	54,818,181	108,272,731	54,818,181
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	129,013,655		330,659,064	

Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	9,082,500	228,762,500	10,018,500	231,687,500
---	-----------	-------------	------------	-------------

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Năm nay (*)	Năm trước
Giá vốn của hoạt động cảng	34,641,278,164	46,193,660,292	82,296,489,215	73,685,820,200
Giá vốn của hoạt động tàu	36,684,307,631	20,670,888,198	69,103,847,715	20,670,888,198
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	676,240,212	543,099,703	1,366,458,800	1,021,707,992
Cộng	72,001,826,007	67,407,648,193	152,766,795,730	95,378,416,490

3. Doanh thu hoạt động tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Năm nay (*)	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1,023,308,065	687,962,891	1,520,193,881	1,264,723,161
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	31,180,486	144,712,950	55,822,510	226,111,120
Lãi tiền cho vay	457,665,923	161,469,445	621,949,552	264,427,778
Cổ tức, lợi nhuận được chia		1,250,000,000	2,370,000,000	1,700,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	573,566,731	97,872,051	575,951,941	181,716,481
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác			2,221,264,000	-
Lãi CLTG chưa thực hiện			2,078,721	
Doanh thu hoạt động tài chính khác			.	1,713
Cộng	2,085,721,205	2,342,017,337	7,367,260,605	3,636,980,253

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Năm nay (*)	Năm trước
Chi phí lãi vay	1,626,472,168	1,449,117,115	2,837,221,946	2,199,448,587
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1,339,426,167	268,952,162	559,532,760	278,959,304
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			2,112,803,156	-
Cộng	2,965,898,335	1,718,069,277	5,509,557,862	2,478,407,891

5. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần dịch vụ và tổng hợp Hải An	(47,608,970)	165,982,512	(44,631,018)	327,783,990
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An	1,400,797,223	2,963,249,807	1,276,043,405	5,703,533,963
Cộng	1,353,188,253	3,129,232,319	1,231,412,387	6,031,317,953

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Năm nay (*)	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6,300,580,775	2,298,393,361	8,770,483,788	4,029,763,474
Chi phí vật liệu quản lý	250,515,147	336,871,655	546,491,406	566,731,747
Chi phí đồ dùng văn phòng	200,134,889	58,134,058	294,600,524	129,801,106
Chi phí khấu hao tài sản cố định	259,719,618	238,923,939	483,217,278	495,537,356

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế, phí và lệ phí	900,000	20,349,455	9,961,086	43,320,842
Dự phòng phải thu khó đòi	488,716,084	-	488,716,084	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,344,797,451	889,509,628	2,044,609,235	1,672,158,537
Các chi phí khác	1,536,107,921	1,450,088,528	3,918,523,808	2,828,325,716
Cộng	10,381,471,885	5,292,270,624	16,556,603,209	9,765,638,778

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Năm nay (*)	Năm trước
Tiền bồi thường	3,017,733		70,187,965	
Phế liệu thu hồi	13,636,365		16,654,091	
Thu nhập khác	10,342,329	6,780,001	15,142,334	10,970,002
Cộng	26,996,427	6,780,001	101,984,390	10,970,002

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Năm nay (*)	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	3,506,062,916	-	3,506,062,916	
Phạt do vi phạm hợp đồng			35,034,383	2,000,000
Phạt vi phạm hành chính			-	40,000,000
Chi phí khác	5,369,560	23,131,627	21,542,417	30,652,046
Cộng	3,511,432,476	23,131,627	3,562,639,716	72,652,046

(*) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó:

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi là "BCC") đã được ký kết quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ. Do đó Công ty áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ.

Với hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/HĐHTKD ngày 12/03/2015; số 16/HĐHTKD ngày 25/09/2015 và Biên bản họp các bên đầu tư tàu ngày 28/01/2015 về việc hợp tác kinh doanh tàu Hai An Park, Hai An Song. Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An là bên nhận hạch toán sẽ phải phân chia doanh thu chi phí cho các bên tham gia BCC. Tỷ lệ góp vốn Công ty trong BCC là 42,86%.

Tuy nhiên tại thời điểm lập Báo cáo tài chính quý 1 Công ty chưa thực hiện việc phân chia doanh thu, chi phí nên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An đã thực hiện phân chia doanh thu, chi phí quý 1 và quý 2 năm 2015 cho các bên tham gia BCC. Do đó, kết quả kinh doanh quý 1/2015 và số liệu lũy kế 6 tháng có sự điều chỉnh cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Quý 1	Điều chỉnh giảm quý 1 do chia DT, CP theo hợp đồng BCC	Quý 1 sau điều chỉnh	Quý 2	Lũy kế
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	176,384,575,331	51,185,009,589	125,199,565,742	121,633,769,953	246,833,335,695
Giá vốn hàng bán	121,836,278,913	41,071,309,190	80,764,969,723	72,001,826,007	152,766,795,730
Doanh thu hoạt động tài chính	5,267,781,974	(13,757,426)	5,281,539,400	2,085,721,205	7,367,260,605
Chi phí tài chính	3,618,029,584	1,074,370,057	2,543,659,527	2,965,898,335	5,509,557,862
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,344,352,954	169,221,630	6,175,131,324	10,381,471,885	16,556,603,209
Thu nhập khác	168,561,004	93,573,041	74,987,963	26,996,427	101,984,390
Chi phí khác	51,207,240	0	51,207,240	3,511,432,476	3,562,639,716
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,382,644,755	1,968,983,352	3,413,661,403	2,462,357,679	5,876,019,082

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.776.689.456	23.191.381.442	71.262.377.478	54.661.532.388
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	33.776.689.456	23.191.381.442	71.262.377.478	54.661.532.388
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	22.939.129	21.177.288	22.939.129	21.177.288
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.472	1.095	3.107	2.581

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	22.939.129	19.538.732
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 6 năm 2014		1.638.556
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	22.939.129	21.177.288

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	306.000.000	306.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.989.667.746	582.000.000
Phụ cấp	162.000.000	113.400.000
Cộng	2.151.667.746	695.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Hàng hải Macs

Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn

Công ty Cổ Phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà

Công ty Cổ Phần MHC

Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng hải

Công ty Cổ Phần Hải Minh

Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An

Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức

Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng

Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương

Mối quan hệ

Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

Công ty con

Công ty liên kết của Công ty con

Công ty liên kết của Công ty con

Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

Công ty con của Công ty Cổ phần MHC - Cổ đông lớn của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Trả cổ tức	1.031.250.000	937.500.000
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn		
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014	1.500.000.000	
Trả cổ tức	5.656.250.000	4.687.500.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Cho vay	5.000.000.000	
Thu tiền cho vay	7.500.000.000	
Trả cổ tức	2.030.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ Phần MHC		
Cho vay		5.800.000.000
Tạm ứng tiền cổ tức bù trừ với khoản cho vay		5.800.000.000
Trả cổ tức	6.478.120.000	5.800.000.000
Trả cổ tức bù trừ với gốc cho vay và lãi vay		89.200.000
Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Trả gốc vay	300.000.000	
Trả cổ tức	1.460.401.000	1.909.456.000
Công ty Cổ Phần Hải Minh		
Trả cổ tức	550.000.000	500.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014	1.500.000.000	
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương		
Trả cổ tức	750.000.000	250.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh lũy kế đến hết quý 2 của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khác	Cộng
Quý 2/Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	78,507,764,581	42,418,414,627	707,590,745	121,633,769,953
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78,507,764,581	42,418,414,627	707,590,745	121,633,769,953
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	43,866,486,417	5,734,106,996	31,350,533	49,631,943,946
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10,381,471,885)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				39,250,472,061
Doanh thu hoạt động tài chính				2,085,721,205
Chi phí tài chính				(2,965,898,335)
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết				1,353,188,253
Thu nhập khác				26,996,427
Chi phí khác				(3,511,432,476)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2,462,357,679)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				33,776,689,456
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5,093,787,880	5,419,710,117		10,513,497,997
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10,745,267,065	9,691,349,568		20,436,616,633
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu				

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)****Quý 2/Năm trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	74,853,328,917	23,390,105,530	559,781,545	98,803,215,992
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74,853,328,917	23,390,105,530	559,781,545	98,803,215,992
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	28,659,668,625	2,719,217,332	16,681,842	31,395,567,799
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(5,292,270,624)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				26,103,297,175
Doanh thu hoạt động tài chính				2,342,017,337
Chi phí tài chính				(1,718,069,277)
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết				3,129,232,319
Thu nhập khác				6,780,001
Chi phí khác				(23,131,627)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(6,648,744,486)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				23,191,381,442
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	14,076,143,595	93,365,434,905		107,441,578,500
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7,840,499,527	2,449,992,726		10,290,492,253
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	45.772.350.247	31.005.996.558		76.778.346.805
Tài sản phân bổ cho bộ phận	395.154.029.406	116.464.426.534	117.073.309	511.735.529.250
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				180.086.336.460
Tổng tài sản				768.600.212.515
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	61.841.635.020	205.328.520.025		267.170.155.045
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	6.569.447.273	3.322.592.226	58.040.308	9.950.079.807
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				21.127.737.287

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Tổng nợ phải trả				<u>298.247.972.139</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	387.988.677.455	190.764.571.049		578.753.248.504
Tài sản phân bổ cho bộ phận	16.480.508.061	7.839.568.786	165.019.120	24.485.095.968
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>133.992.095.644</u>
Tổng tài sản				<u>737.230.440.116</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	120.008.603.233	161.476.001.993	*	281.484.605.226
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	865.453.925	411.685.462	8.665.779	1.285.805.166
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>20.079.178.609</u>
Tổng nợ phải trả				<u>302.849.589.001</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	<u>Ghi chú</u>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ					
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8.500.000.000	(8.500.000.000)		(i)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		8.500.000.000	8.500.000.000	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	381.242.886	40.740.000	421.982.886	(ii)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	<u>Ghi chú</u>
Tài sản ngắn hạn khác	155	40.740.000	(40.740.000)		(ii)
Phải thu dài hạn khác	216		1.731.120.020	1.731.120.020	(iii)
Tài sản dài hạn khác	268	1.731.120.020	(1.731.120.020)		(iii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	30.255.263.536	15.675.807.273	45.931.070.809	(iv)
(i) Đầu tư tài chính ngắn hạn và phải thu cho vay ngắn hạn					
Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu đầu tư tài chính ngắn hạn trên bảng CĐKT không bao gồm số dư khoản cho vay ngắn hạn (sau đây được trình bày trên chỉ tiêu “phải thu cho vay ngắn hạn”).					
(ii) Phải thu ngắn hạn khác và tài sản ngắn hạn khác					
Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khác trên bảng CĐKT bao gồm số dư Tài khoản tạm ứng (Trước đây trình bày trên chỉ tiêu “tài sản ngắn hạn khác”).					
(iii) Phải thu dài hạn khác và tài sản dài hạn khác					
Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu phải thu dài hạn khác trên bảng CĐKT bao gồm số dư Tài khoản ký quỹ, ký cược dài hạn (Trước đây trình bày trên chỉ tiêu “tài sản dài hạn khác”).					
(iv) Quỹ đầu tư phát triển					
Do theo chế độ kế toán mới thì không còn chỉ tiêu Quỹ dự phòng tài chính trên bảng CĐKT, Công ty trình bày số dư của Quỹ dự phòng tài chính cộng vào số liệu của chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển.					

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty là bên liên quan vay tiền. Công ty này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	133.162.758.236				133.162.758.236
Phải thu khách hàng	63.365.907.233			164.833.612	63.530.740.845
Các khoản cho vay	6.000.000.000				6.000.000.000
Các khoản phải thu khác	3.716.455.478				3.716.455.478
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.025.866.500				3.025.866.500
Cộng	209.270.987.447			164.833.612	209.435.821.059
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.305.888.143				25.305.888.143
Phải thu khách hàng	52.924.490.769			164.833.612	53.089.324.381
Các khoản cho vay	8.500.000.000				8.500.000.000
Các khoản phải thu khác	2.153.102.906				2.153.102.906
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.001.212.500				4.001.212.500
Cộng	92.884.694.318			164.833.612	93.049.527.930

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	46.002.322.581	108.624.099.258		154.626.421.839
Phải trả người bán	40.350.790.381			40.350.790.381
Các khoản phải trả khác	12.047.202.250	60.000.000.000		72.047.202.250
Cộng	98.400.315.212	168.624.099.258		267.024.414.470
Số đầu năm				
Vay và nợ	43.312.820.751	147.399.001.182		190.711.821.933
Phải trả người bán	30.047.820.570			30.047.820.570
Các khoản phải trả khác	1.110.121.395	60.000.000.000		61.110.121.395
Cộng	74.470.762.716	207.399.001.182		281.869.763.898

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>	
	<u>USD</u>	<u>EUR</u>	<u>JPY</u>	<u>USD</u>	<u>EUR</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	429.658,43	46,02		194.978,05	46,11
Phải thu khách hàng	1.680.025,67			1.981.852,39	
Vay và nợ	(6.976.504,22)			(8.715.887,11)	
Phải trả người bán	(689.329,91)		(162,44)	(267.449,92)	
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(5.556.150,03)	46,02	(162,44)	(6.806.506,59)	46,11

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR, JPY đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	VND	USD	EUR	VND	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền				14.118.038.048	194.978,05	46,11
Vay và nợ	(2.242.320.325)	(6.976.504,22)		(4.392.320.325)	(8.715.887,11)	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(2.242.320.325)	(6.976.504,22)		9.725.717.723	(8.520.909,06)	46,11

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay VND và USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	133.162.758.236	25.305.888.143	133.162.758.236	25.305.888.143
Phải thu khách hàng	63.530.740.845	53.089.324.381	63.365.907.233	52.973.940.853
Các khoản cho vay	6.000.000.000	8.500.000.000	6.000.000.000	8.500.000.000
Các khoản phải thu khác	3.716.455.478	2.153.102.906	3.716.455.478	2.153.102.906
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.025.866.500	4.001.212.500	3.025.866.500	4.001.212.500
Cộng	209.435.821.059	93.049.527.930	209.270.987.447	92.934.144.402
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	154.626.421.839	190.711.821.933	154.626.421.839	190.711.821.933
Phải trả người bán	40.350.790.381	30.047.820.570	40.350.790.381	30.047.820.570
Các khoản phải trả khác	72.047.202.250	61.110.121.395	72.047.202.250	61.110.121.395
Cộng	267.024.414.470	281.869.763.898	267.024.414.470	281.869.763.898

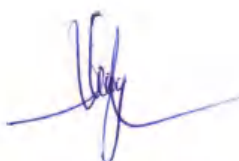
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2.



Trần Thị Thanh Hảo
Người lập biểu



Phạm Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2015



Tạ Mạnh Cường
Tổng Giám đốc